

Phụ lục 1: Thuyết minh các chỉ tiêu của Nghị quyết về lâm nghiệp bền vững

1. Độ che phủ rừng:

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; xác định tỷ lệ che phủ rừng 60%.

- Diện tích đất có rừng năm 2025 là 881.451,64 ha tương ứng với tỷ lệ che phủ 59,45%

- Để đạt được tỷ lệ che phủ rừng vào năm 2030 đạt 60% thì diện tích rừng tăng thêm khoảng 9.000 ha.

1.1. Các yếu tố làm tăng diện tích rừng là 18.000 ha, cụ thể:

- Theo kết quả theo dõi diễn biến rừng năm 2025 hiện nay có hơn 7.000 ha rừng phòng hộ đặc dụng của các chủ rừng đã trồng rừng nhưng chưa thành rừng dự kiến đến năm 2030 sẽ thành rừng.

- Diện tích rừng các chủ rừng là các ban quản lý rừng phòng hộ đặc dụng đã và sẽ khoanh nuôi phục hồi rừng dự kiến đến 2030 thành rừng 6.000 ha.

- Hiện nay rừng trồng chưa thành rừng của hộ gia đình 43.312 ha dự kiến sẽ thành rừng được tính vào tỷ lệ che phủ trước khi khai thác 5.000 ha (mỗi năm tăng lên khoảng 1.000 ha)

- Rừng trồng theo kế hoạch giai đoạn 2025 - 2030 là 134.000 ha bù trừ cho diện tích khai thác rừng nên không xem xét đến tỷ lệ che phủ đối với diện tích rừng này.

1.2. Các yếu tố làm giảm diện tích rừng đến năm 2030 là 9.000 ha, cụ thể:

- Mất rừng do chuyển đổi rừng phục vụ công trình quốc phòng, an ninh và các nguyên nhân khác: 8.000 ha.

- Mất rừng do các nguyên nhân khác (cháy rừng, phá rừng, lấn chiếm...) ước khoảng 1.000 ha.

- Khai thác rừng trồng nguyên liệu giấy bù trừ cho diện tích trồng lại rừng nên không xem xét đến.

*1.3. So sánh tăng giảm thì đến năm 2030 diện tích rừng của tỉnh tăng lên 9.280 ha, tổng diện tích đất có rừng đến năm 2030 là: 890.451 ha, tương đương độ che phủ của rừng là **60%** (890.451 ha/1.482.942 ha). Chi tiết như biểu sau:*

1	Diện tích tự nhiên	1.482.942
2	Diện tích có rừng 2025	881.451
3	Các yếu tố tăng diện tích rừng	18.000
3.1	Rừng trồng PH đặc dụng giai đoạn 2021-2025	7.000
3.2	Rừng trồng SX chưa thành rừng sẽ thành rừng	5000

3.3	<i>Khoanh nuôi phục hồi Rừng</i>	6.000
4	Yếu tố giảm DT rừng	9.000
4.1	<i>Chuyển đổi rừng</i>	8.000
4.2	<i>Mất rừng do nguyên nhân khác</i>	1.000
5	So sánh tăng/giảm	9.000
6	Diện tích có rừng đến 2030	890.451
7	Độ che phủ (%)	60,0

2. Khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên:

Dự kiến đến 2030 khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên 3.000 ha; đây là số liệu đăng ký của các chủ rừng. Với diện tích đất lâm nghiệp có cây tái sinh trong các Ban quản rừng phòng hộ, đặc dụng 6.600 ha thì việc khoanh nuôi 3.000 ha là khả thi.

3. Trồng rừng tập trung:

- Dự kiến đến 2030 trồng mới 135.000 ha trong đó trồng lại rừng 134.000 ha, trồng rừng phòng hộ đặc dụng 1.000 ha. Theo số liệu thống kê hiện nay có hơn 221.800 ha rừng trồng trong đó có khoảng 134.000 ha rừng trồng sản xuất nguyên liệu giấy (Keo, Bạch đàn), theo chu kỳ khai thác 4-6 năm, bình quân mỗi năm khai thác và trồng lại 26.800 ha. Đối với 1.000 ha rừng trồng phòng hộ, đặc dụng là các chủ rừng đăng ký.

4. Trồng cây phân tán

Dự kiến đến năm 2025 trồng được 37 triệu cây lâm nghiệp phân tán, vượt chỉ tiêu đề án trồng 1 tỷ cây xanh của Thủ tướng Chính phủ. Để đảm bảo tăng trưởng 6% dự kiến giai đoạn 2026-2030 trồng 40 triệu cây lâm nghiệp phân tán.

5. Phát triển lâm sản dưới tán rừng:

Dự kiến đến 2030 có 2.500 ha lâm sản ngoài gỗ trong đó sâm ngọc linh khoảng 2.000 ha, các loại lâm sản khác như tre nứa, song mây, sa nhân, thiên niên kiện... khoảng 500 ha. Chỉ tiêu trồng mới 2.000 ha sâm ngọc linh đã được đề cập trong nghị quyết phát triển dược liệu. Lâm sản ngoài gỗ khác 500 ha theo phương số liệu đăng ký của các chủ rừng theo phương án quản lý rừng bền vững.

6. Khai thác và chế biến gỗ rừng trồng:

Dự kiến giai đoạn 2026-2030 khai thác và chế biến 13,4 triệu m³ gỗ. Với diện tích rừng trồng nguyên liệu 134.000 ha năng suất bình quân 100 m³/ha thì sản lượng gỗ khai thác xác định được hơn 13,4 triệu m³ gỗ.

7. Giao rừng gắn với đất lâm nghiệp: 100% diện tích rừng có chủ quản lý theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 138.850 ha rừng và đất lâm nghiệp do UBND xã quản lý. Theo Điều 8 Luật lâm nghiệp thì UBND xã không phải là chủ rừng. Mục tiêu đến năm 2030 toàn bộ diện tích rừng do UBND xã quản lý giao, cho thuê để có chủ thực thụ theo qui định tại Điều 8 Luật lâm nghiệp.

8. Phân đầu đến năm 2030 diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) khoảng 40.000 ha.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh diện tích rừng rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) 34.091 ha đang còn hiệu lực. Ngoài ra còn hơn 14.000 ha rừng tự nhiên tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Tô đã cấp nhưng hết hiệu lực. Phân đầu đến năm 2030 thúc đẩy cấp chứng chỉ rừng bền vững FSC cho khoảng 6.000 ha tại Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tơ (Keo); Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam (Thông, Bạch đàn) và một số hộ dân trên địa bàn phía Đông tỉnh Quảng Ngãi.

9. Phân đầu đến năm 2030 ngành lâm nghiệp giảm phát thải 1,129 triệu tấn các bon, hấp thụ lưu giữ khoảng 10 triệu tấn các bon.

- Theo Chương trình giảm phát thải khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên theo sáng kiến LEAF dự kiến phân bổ cho tỉnh Quảng Ngãi 1.128.888 tấn chỉ các bon (tương đương 1.128.888 tấn)

- Hiện nay tỉnh có hơn 881.600 ha rừng, trong đó rừng tự nhiên là 659.000 ha, rừng trồng là 222.600 ha. Theo cách tính của Cục lâm nghiệp Kiểm lâm mỗi năm rừng trên địa bàn tỉnh hấp thụ và lưu giữ khoảng 2 triệu tấn carbon.

10. Huy động nguồn lực để tập trung phát triển ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, đến năm 2025 đạt khoảng 19.000 tỷ đồng được dự kiến như sau:

- Nguồn cung ứng dịch vụ môi trường rừng dự kiến 2.000 tỷ đồng (giai đoạn 2021-2025 thu 1.973 tỷ đồng)

- Nguồn đầu tư trồng rừng của các doanh nghiệp, hộ gia đình 6.700 tỷ đồng (đơn giá trồng keo hiện nay ước tính 50 triệu đồng/ha).

- Nguồn đầu tư của các doanh nghiệp, hộ gia đình trồng sâm ngọc linh 10.000 tỷ đồng (đơn giá trồng sâm 5tỷ đồng/ha)

11. Đóng góp của ngành lâm nghiệp vào tổng giá trị GRDP của tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng 7%, đến 2035 là 10%

Theo báo cáo chính trị số 32-BC/TU trình đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ nhất và Nghị quyết số 01/NQ-ĐH ngày 12-9-2025 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất thì đến năm 2025 (GRDP) của tỉnh ước đạt 92.813 tỷ đồng,

giai đoạn 2026 - 2030 xác định tốc độ tăng GRDP của tỉnh khoảng 10% năm, từ đó xác định GRDP tỉnh Quảng Ngãi đến 2030 đạt **149.476** tỷ đồng¹.

Dự thảo Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp đề xuất giá trị sản xuất lâm nghiệp đóng góp khoảng 7% tổng giá trị GRDP của tỉnh có nghĩa là đến năm 2030 giá trị sản phẩm lâm nghiệp sẽ đạt 11.380 tỷ đồng. Các giá trị tính được bằng tiền đóng góp vào GRDP như sau:

- Giá trị bằng tiền khai thác gỗ rừng trồng 13,4 triệu m³, đơn giá 1,2 triệu đồng/m³ thì xác định được 16.080 tỷ đồng, trừ chi phí đầu vào khoảng 6.700 tỷ đồng giá trị còn lại 9.380 tỷ đồng.

- Cung ứng dịch vụ môi trường rừng ước đạt 2.000 tỷ đồng (giai đoạn 2021-2025 thu được 1.973 tỷ đồng).

Như vậy tổng giá trị được xác định 11.380 tỷ đồng từ đó xác định đóng góp vào GRDP là 7,6% (11.380/149.476). Giả sử có biến động về giá, thị trường thì khả năng đóng góp 7% là khả thi.

(Giá trị này chưa bao gồm dịch vụ các bon rừng và giá trị lâm sản ngoài gỗ như Sâm Ngọc linh, Quế...)

- Dự kiến đến năm 2035 các giá trị xác định được bằng tiền của sản phẩm lâm nghiệp, dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ các bon rừng, lâm sản ngoài gỗ thì khả năng đóng góp vào GRDP 10% là khả thi.

¹ GRDP (2030) = 92.813 x (1+0,1)⁵ = 149.476